

**CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
DAMAC JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 2808A/2020/DAMAC/CV
V/v: DAMAC - CBTT BCTC soát xét riêng
bán niên năm 2020 kèm giải trình chênh lệch số
liệu

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020
Ha Noi, day 28 month 08 year 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HN**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND HANOI
STOCK EXCHANGE'S PORTAL**



Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities
Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HN/ *HaNoi Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: KSH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Hàng Bột, Quận
Đống Đa, TP Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024 3936 4695
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Hoàng Trọng Khánh
Chức vụ/ *Position*: Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS công bố thông tin BCTC soát xét riêng bán niên
năm 2020 kèm giải trình chênh lệch số liệu.

**Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân
thay đổi hoặc thay thế.**

*In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company
shall make a reason for the replacement or correction.*

.....
Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 28/08/2020 tại đường dẫn: <http://damac.com.vn/>

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 28/08/2020 Available at: <http://damac.com.vn/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any mispresentation.

Tài liệu đính kèm/

Attachment:

- Tài liệu liên quan đến việc CBTT / Documents related to the disclosure

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Trọng Khánh



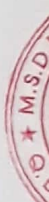
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020



Được soát xét bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Số 41, Ngõ 62, Trần Bình, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3763 4618 Fax: (84-24) 3763 4617

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damac GLS (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damac GLS (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH và Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 ngày 13 tháng 9 năm 2000 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 23 lần, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 05/09/2019. Theo Nghị quyết số 2008/2020/NQ-GLS ngày 20/08/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Damac GLS về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh đã thay đổi tên Công ty thành "Công ty Cổ phần Đầu tư GLS"

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 575.096.750.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2020 : 575.096.750.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh :

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến đá; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình; Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm nông sản...

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con:					
Công ty Cổ phần DAMAC GREEN	Đường Nguyễn Chí Thanh, Tổ 4, Phường Phan Si Păng, Thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2020 là 14.431.449.456 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2019 lợi nhuận sau thuế là 530.103.199 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30/06/2020 là 38.753.353.909 VND (Tại thời điểm 31/12/2019 lợi nhuận chưa phân phối là 24.321.904.453 VND).

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Long	Chủ tịch
Bà Tạ Thu Thủy	Ủy viên
Bà Mai Thúy Hằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Đức	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2019, miễn nhiệm ngày 20/02/2020)
Ông Hoàng Việt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2019)
Ông Hoàng Trọng Khánh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15/08/2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Long	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/08/2020)
Ông Hoàng Trọng Khánh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/08/2020)
Ông Nguyễn Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17/08/2019)

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Thị Khánh Ly	Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 30/06/2019)
Ông Vũ Thanh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/07/2019)
Bà Lê Thị An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/08/2020)

Kế toán trưởng

Bà Đường Thị Thu Giang	Phụ trách kế toán (bổ nhiệm 18/02/2020)
------------------------	---

Đại diện pháp luật

Ông Hoàng Trọng Khánh	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được lựa chọn thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

VII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damac GLS phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Duyệt, ngày 20 tháng 08 năm 2020

TM. Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Trọng Khánh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

Trụ sở: 386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-28) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn
Văn phòng tại Hà Nội: Số 41, ngõ 62 Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-24) 3763 4618 Fax: (84-24) 3763 4617

Số: 1.5... /BCSX-KSH/2020/SVA

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Damac GLS, được lập ngày 20/08/2020, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần DAMAC GLS cho năm tài chính 2019 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến và kết luận kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt
Phó Giám đốc**



Nguyễn Phương Lan Anh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0673-2018-107-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số: B01a-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		476.534.867.654	490.778.940.747
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	37.620.658	48.506.574
Tiền	111		37.620.658	48.506.574
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.4	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		476.422.166.525	490.657.305.138
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.814.209.514	1.925.098.720
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.407.126.220	1.407.126.234
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	524.588.648.658	524.771.073.294
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(51.387.817.867)	(37.445.993.110)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	-	1.112.702
Hàng tồn kho	141		-	1.112.702
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		75.080.471	72.016.333
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.834.616	1.792.542,0
Thuế GTGT được khấu trừ	152		71.245.855	70.223.791
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.000.000.000	60.000.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	-	-
- Nguyên giá	222		-	41.544.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(41.544.364)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.4	60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		60.000.000.000	60.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		536.534.867.654	550.778.940.747

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

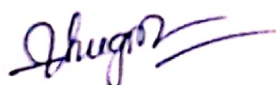
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số: B01a-DN
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		191.471.563	4.095.200
I. Nợ ngắn hạn	310		191.471.563	4.095.200
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	-
Phải trả người lao động	314		35.978.000	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		150.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		5.493.563	4.095.200
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		536.343.396.091	550.774.845.547
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	536.343.396.091	550.774.845.547
Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(38.753.353.909)	(24.321.904.453)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(24.321.904.453)	11.545.438.103
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.431.449.456)	(35.867.342.556)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		536.534.867.654	550.778.940.747

Người lập biểu

Phụ trách kế toán



Dương Thị Thu Giang

Lập ngày 20 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc

CÔNG TY

CỔ PHẦN

DAMAC GLS

ĐƯỜNG 147 - Ô CHỢ DỪA - TP. HÀ NỘI



Hoàng Trọng Khánh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số: B02a-DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.172.005	131.800.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.172.005	131.800.000
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.112.702	126.528.000
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		59.303	5.272.000
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.536	18.161
Chi phí tài chính	22	VI.4	187.000	(309.274.181)
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	VI.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	14.429.933.433	843.400.799
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(14.430.051.594)	(528.836.457)
Thu nhập khác	31	VI.5	100.000	-
Chi phí khác	32	VI.6	1.497.862	1.266.742
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.397.862)	(1.266.742)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(14.431.449.456)	(530.103.199)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(14.431.449.456)	(530.103.199)

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Thugor

Đường Thị Thu Giang

Lập, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Trưởng Giám đốc



Hoàng Trọng Khánh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số: B03a-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(14.431.449.456)	(530.103.199)
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	-
- Các khoản dự phòng	03		13.941.824.757	(309.274.181)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(109.536)	(18.161)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(489.734.235)	(839.395.541)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		292.291.792	(183.647.157.899)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		1.112.702	126.528.000
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		187.376.363	(4.393.390.721)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(2.042.074)	5.015.109
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	189.000.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.995.452)	251.598.948
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		100.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.536	18.161
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		109.536	18.161

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số: B03a-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(10.885.916)	251.617.109
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	48.506.574	68.183.003
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	37.620.658	319.800.112

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Đường Thị Thu Giang

Lập, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Hoàng Trọng Khánh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số: B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damac GLS (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH và Công ty CP Tập đoàn Khoáng sản HAMICO) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700189368 ngày 13 tháng 9 năm 2000 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh 23 lần, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 23 ngày 05/09/2019. Theo Nghị quyết số 2008/2020/NQ-GLS ngày 20/08/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Damac GLS về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh đã thay đổi tên Công ty thành "Công ty Cổ phần Đầu tư GLS"

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh : 575.096.750.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2020 : 575.096.750.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản; Khai thác và chế biến khoáng sản (khai thác quặng kim loại), khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến đá; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm); Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét; Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình; Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm nông sản...

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con: Công ty Cổ phần DAMAC GREEN	Đường Nguyễn Chí Thanh, Tổ 4, Phường Phan Si Păng, Thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai, Việt Nam	80,00%	80,00%	80,00%	80,00%

Công ty liên kết:

Không có

Cơ sở đồng kiểm soát:

Không có

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Không có

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

+ Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

+ Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn năng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- + Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- + Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- + Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- + Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- + Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

+ Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

+ *Phải thu khách hàng:* các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

+ *Phải thu nội bộ:* các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

+ *Phải thu khác:* các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

+ Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

+ Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

+ Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);

+ Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

+ Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

+ Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- + *Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;*
- + *Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;*
- + *Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.*

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- + *Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.*
- + *Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.*

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- + *Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;*
- + *Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.*

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

f. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

15. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	30.670.601	45.746.256
- Tiền gửi ngân hàng	6.950.057	2.760.318
+ Tiền gửi (VND)	6.950.057	2.760.318
+ Tiền gửi (USD)	-	-
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>37.620.658</u>	<u>48.506.574</u>

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
2.1. Ngắn hạn	1.814.209.514	1.925.098.720
Công ty TNHH AJIMAN Việt Nam	-	109.600.000
Công ty Cổ phần Năng lượng và Vật liệu LEG	1.814.209.514	1.815.498.720
Cộng	<u>1.814.209.514</u>	<u>1.925.098.720</u>

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
3.1. Ngắn hạn	96.000.000	96.000.014
Các đối tượng khác	96.000.000	96.000.014
3.2. Trả trước cho người bán là các bên liên quan	1.311.126.220	1.311.126.220
Công ty TNHH ACE.LK	1.311.126.220	1.311.126.220
Cộng	<u>1.407.126.220</u>	<u>1.407.126.234</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

4.1. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	-

4.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Damac Green	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Cộng	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-

Ghi chú:

Tình hình hoạt động trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty Cổ phần Damac Green được trình bày tại Báo cáo tài chính được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLSSố 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1. Ngắn hạn	366.618.125.364	49.777.150.000	366.800.550.000	36.687.630.000
- Tạm ứng	1.600.000.000	-	1.800.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	110.000.550.000	-	110.000.550.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác (**)	255.014.900.000	49.777.150.000	255.000.000.000	36.687.630.000
- Phải trả khác (Dư nợ)	2.675.364	-	-	-
5.2. Phải thu khác bên liên quan	157.970.523.294		157.970.523.294	
Công ty CP Damac Green (**)	130.118.000.000	-	130.118.000.000	-
Công ty TNHH ACE.LK	27.852.523.294	-	27.852.523.294	-
Cộng	524.588.648.658	49.777.150.000	524.771.073.294	36.687.630.000

5.3. Dài hạn**Ghi chú:****(*) Ký quỹ ngắn hạn khác bao gồm:**

Hợp đồng đặt cọc số 0206/2018/HĐ/ACE-KSH giữa Công ty TNHH ACE.LK và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH về việc đảm bảo quyền phân phối độc quyền nhãn hàng Tinh dầu, nước hoa Ajmal Dubai được quy định tại hợp đồng độc quyền phân phối hàng hóa số 01/HĐ/ACE-KSH ngày 01/06/2018. 27.852.523.294

Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất số 0306/2018/HĐDC-KSH tại số 99 An Trạch, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, TP Hà Nội, gồm 04 Giấy chứng nhận QSDĐ: Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155626, số vào sổ cấp GCNQSD đất/hồ sơ gốc số CT-DA01865 do UBND Thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2017; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155625 số vào sổ cấp GCNQSD đất/ hồ sơ gốc số CT-DA01866; Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155624 số CT-DA01867; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CL155624 số CT-DA01867. 110.000.000.000

Các khoản khác 550.000

() Khoản phải thu khác bao gồm**

Hợp đồng hợp tác đầu tư - kinh doanh số 01/2019/GLS-GREEN giữa công ty Cổ phần Damac GLS với Công ty Cổ phần Damac Green. Mục đích hợp tác: Hợp tác kinh doanh cho công ty đi đầu tư phát triển các dự án (cụm công nghiệp Sơn Nam, đầu tư chế biến VLXD, đầu tư vốn lưu động kinh doanh nông sản, đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời, ...). Thời hạn hợp tác 1 năm bắt đầu từ ngày 31/12/2019 đến hết ngày 31/12/2020 với số tiền góp vốn của Công ty Cổ phần Damac GLS là 130.000.000.000 đồng. Phân chia lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 60%. 130.000.000.000

Phải thu Công ty CP Năng lượng và Vật liệu LEG theo HĐ số 01/HĐHTKD/DAMAC-LEG Thời hạn hợp tác 1 năm bắt đầu từ ngày 09/08/2019 đến hết ngày 09/08/2020 với số tiền góp vốn của Công ty Cổ phần Damac GLS là 59.000.000.000 đồng Phân chia lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 80%. 59.000.000.000

Phải thu của ông Nguyễn Trí Thành tiền đã nhận chuyển nhượng phần vốn của Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại Việt nhưng không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng 69.842.100.000

Phải thu của bà Lê Thị Hạnh Nguyên tiền đã nhận chuyển nhượng phần vốn của Công ty TNHH TM Xăng dầu Đại Việt nhưng không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng chuyển nhượng 52.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLSSố 147, Ngõ Quan Thô 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận
Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020

Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 03/2020/DAMAC GLS-SREAL ngày 06/04/2020 giữa Công ty CP Quản lý tài sản SREAL (Bên A) và Công ty Cổ phần DAMAC GLS (bên B) về việc Đầu tư vào dự án xây dựng hệ thống cửa hàng tiện ích trên cả nước; Bên A góp 4 tỷ đồng, Bên B góp 96 tỷ đồng. Bên B được hưởng 70% lợi nhuận sau thuế. Thời hạn hợp tác là 01 năm kể từ 06/04/2020, thời hạn có thể kéo dài theo sự thỏa thuận của 02 bên. Thời hạn góp vốn theo nhu cầu sử dụng vốn từng giai đoạn. Ngày 06/05/2020, hai bên ký Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03/2020/PL GLS-SREAL về việc thay đổi kinh phí đầu tư vào dự án xây dựng hệ thống cửa hàng tiện ích trên cả nước; Bên A góp 4 tỷ đồng, Bên B góp 180 tỷ đồng. Bên B được hưởng 70% lợi nhuận sau thuế.

74.157.800.000

Phải thu khác

133.000.000

6 . NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	125.063.435.734	73.675.617.867	197.516.726.220	160.070.733.110
<i>Chi tiết:</i>				
+ Phải thu khách hàng	1.814.209.514	907.104.757	109.600.000	54.800.000
+ Phải thu khác	121.842.100.000	72.064.950.000	196.096.000.000	159.360.370.000
+ Trả trước cho người bán	1.407.126.220	703.563.110	1.311.126.220	655.563.110
- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu	-	-	-	-
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-
Cộng	125.063.435.734	73.675.617.867	197.516.726.220	160.070.733.110

7 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	-	-	1.112.702	-
Cộng	-	-	1.112.702	-

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 đồng
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 đồng
- Lý do trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không.

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá	41.544.364	41.544.364
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-
- Mua trong kỳ	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-
- Tăng khác	41.544.364	41.544.364
Số giảm trong kỳ	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	41.544.364	41.544.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	41.544.364	41.544.364
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Tăng khác	41.544.364	41.544.364
Số giảm trong kỳ	-	-
- Chuyển sang BDS đầu tư	41.544.364	41.544.364
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại	-	-
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

9 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	4.095.200	4.095.200
- BHXH, BHYT, BHTN	772.642	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	625.721	-
Cộng	5.493.563	4.095.200

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMAC GLS

Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020**10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****10.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	575.096.750.000	-	-	-	11.545.438.103	586.642.188.103
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phán phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(35.867.342.556)	(35.867.342.556)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	575.096.750.000	-	-	-	(24.321.904.453)	550.774.845.547
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phán phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(14.431.449.456)	(14.431.449.456)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	575.096.750.000	-	-	-	(38.753.353.909)	536.343.396.091

10.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	575.096.750.000	575.096.750.000
Cộng	<u>575.096.750.000</u>	<u>575.096.750.000</u>

10.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	575.096.750.000	575.096.750.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	575.096.750.000	575.096.750.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

10.4. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.509.675	57.509.675
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu phổ thông	57.509.675	57.509.675
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	1.172.005	131.800.000
Cộng	<u><u>1.172.005</u></u>	<u><u>131.800.000</u></u>

2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.112.702	126.528.000
Cộng	<u><u>1.112.702</u></u>	<u><u>126.528.000</u></u>

3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.536	18.161
Cộng	<u><u>9.536</u></u>	<u><u>18.161</u></u>

4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(309.274.181)
- Chi phí tài chính khác	187.000	-
Cộng	<u><u>187.000</u></u>	<u><u>(309.274.181)</u></u>

5 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	100.000	
Cộng	<u><u>100.000</u></u>	

6 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
- Các khoản nộp phạt kể cả vi phạm hành chính	1.497.862	1.266.742
Cộng	<u><u>1.497.862</u></u>	<u><u>1.266.742</u></u>

7 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.104.757	-
- Chi phí nhân công	160.145.000	236.310.900
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	13.941.824.757	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	323.858.919	551.420.921
- Chi phí khác bằng tiền	-	52.668.978
Cộng	<u><u>14.429.933.433</u></u>	<u><u>843.400.799</u></u>

8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.104.757	-
- Chi phí nhân công	160.145.000	236.310.900
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dự phòng	13.941.824.757	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	323.858.919	551.420.921
- Chi phí bằng tiền khác	-	52.668.978
Cộng	<u><u>14.429.933.433</u></u>	<u><u>843.400.799</u></u>

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</u>	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 , Công ty Cổ phần Damac GLS không phát sinh các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng

Trong cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 , Công ty Cổ phần Damac GLS không phát sinh các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

1.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Chi phí của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
+ Tiền lương, thưởng	-	76.500.000
+ Thù lao	-	-

Các giao dịch khác : không phát sinh

1.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Damac Green	Công ty con	80,00%
Công ty TNHH ACE.LK	Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị	

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Công ty TNHH ACE.LK	Ký quỹ	27.852.523.294
	Trả trước người bán	1.311.126.220
Công ty Cổ phần Damac Green	Phải thu khác	130.118.000.000

2 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

3 . Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Đường Thị Thu Giang

Lập, ngày 20 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DAMAC GLS
Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Hoàng Trọng Khánh

Số: 2808A/2020/DAMAC/GT
(V/v: Giải trình về chênh lệch số liệu BCTC
riêng bán niên năm 2020 chưa được kiểm
toán và đã được kiểm toán)

Hà Nội, Ngày 28 tháng 08 năm 2020

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty CP Damac GLS
Mã chứng khoán: KSH
Trụ sở chính: Số 147, Ngõ Quan Thổ 1, Phường Hàng Bột, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
Điện thoại: 04.39364695



Trước tiên, Công ty Cổ phần Damac GLS xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm giúp đỡ của Quý cơ quan trong thời gian qua.

Qua BCTC của Công ty Cổ phần Damac GLS được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt chúng tôi xin làm rõ vấn đề chênh lệch giữa số liệu Báo cáo tài chính riêng tại thời điểm 30/06/2020 chưa được kiểm toán và đã được kiểm toán như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH	NGUYÊN NHÂN
	Bảng cân đối kế toán				
1	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	37.445.993.110	51.387.817.867	13.941.824.757	Kiểm toán Giám trích lập dự phòng phải thu Công ty TNHH AJMAL Việt Nam 54.800.000 VNĐ; Dự phòng phải thu Công ty cổ phần năng lượng và vật liệu LEG 907.104.757 VNĐ; Giám trích lập dự phòng phải thu khác Ông Nguyễn Trí Thành 5.812.080.000 VNĐ; Dự phòng phải thu Bà Lê Thị Hạnh Nguyên 18.901.600.000 VNĐ
	Báo cáo kết quả kinh doanh				
1	Chi phí	485.108.676	14.429.933.433	13.944.824.757	Do ảnh hưởng của các

	quản lý doanh nghiệp				khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập dự phòng; Kiểm toán phân loại lại chi phí môn bài năm 2019
2	Chi phí khác	4.497.862	1.497.862	(3.000.000)	Kiểm toán phân loại lại chi phí môn bài năm 2019 vào chi phí khác.
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(489.624.699)	(14.431.449.456)	(13.941.824.757)	Do ảnh hưởng của các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập dự phòng.

Trên đây là những giải trình của Công ty Cổ phần Damac GLS liên quan đến Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2020.

Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm của quý cơ quan.

Trân trọng!



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT-TH.

CÔNG TY CP DAMAC GLS
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Trọng Khánh